



QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên
trình độ Đại học - Đợt 4/2022

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 168/2006/QĐ-TTg, ngày 17/07/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2321/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 663/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 17/09/2014 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học theo học chế tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 454/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 01/06/2017 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học vừa làm vừa học theo học chế tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 829/QĐ-HVHKVN ngày 23/09/2019 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành quy định về công nhận kết quả miễn, chuyển điểm học phần tại Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ biên bản xét tốt nghiệp ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng xét tốt nghiệp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp 104 (Một lẻ bốn) bằng Cử nhân Quản trị kinh doanh, 03 (Ba) bằng Kỹ sư Quản lý hoạt động bay, 14 (Mười bốn) bằng Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, 05 (Năm) bằng Kỹ sư Kỹ thuật Hàng không cho các sinh viên tốt nghiệp trình độ Đại học - Đợt 4/2022 (Theo danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Phòng Đào tạo, các Khoa, đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

-Như điều 2;

-Lưu VT



TS. Nguyễn Thanh Dũng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - ĐỢT 04/2022

(Đính kèm quyết định số: 810 /QĐ-HVHKVN ngày 05 tháng 10 năm 2022)

Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
1	1753020014	Nguyễn Thị Kiều	Ân	09/06/1999	17ĐHĐT01	2.97	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
2	1753020003	Hồ Công Tuấn	Anh	19/09/1999	17ĐHĐT01	2.8	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
3	1753020009	Nguyễn Bách	Lộc	17/03/1998	17ĐHĐT01	2.63	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
4	1753020039	Nguyễn Phát	Thịnh	24/07/1999	17ĐHĐT01	2.6	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
5	1753020033	Nguyễn Như Bảo	Trần	17/02/1999	17ĐHĐT01	3.11	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
6	1753020077	Lê Trung	Phong	21/01/1999	17ĐHĐT02	2.13	Trung bình	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
7	1853020003	Vũ Tiến	Long	25/06/2000	18ĐHĐT01	2.81	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
8	1853020023	Võ Minh	Thư	22/10/2000	18ĐHĐT01	3.31	Giỏi	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
9	1853020025	Võ Thị Thanh	Thủy	14/06/2000	18ĐHĐT01	3.21	Giỏi	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
10	1853020041	Bùi Đình	Hoàng	25/01/2000	18ĐHĐT02	2.96	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
11	1853020064	Cao Thị Phương	Thảo	16/12/2000	18ĐHĐT02	3.07	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
12	1853020057	Nguyễn Quang	Trung	06/08/2000	18ĐHĐT02	3.31	Giỏi	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
13	1853020044	Lê Thanh	Tuấn	14/05/2000	18ĐHĐT02	2.85	Khá	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
14	1653020076	Nguyễn Văn	Trọng	26/05/1998	ĐV2-K10	2.24	Trung bình	Công nghệ KT điện tử - viễn thông
15	1751200061	Nguyễn Bá Thái	Bình	21/06/1999	17ĐHKT01	2.53	Khá	Kỹ thuật Hàng không
16	1751200060	Huỳnh Xuân	Chính	01/05/1999	17ĐHKT01	3.04	Khá	Kỹ thuật Hàng không
17	1751200036	Nguyễn Hữu	Dũng	03/02/1999	17ĐHKT01	3.63	Xuất sắc	Kỹ thuật Hàng không
18	1751200003	Huỳnh Nguyễn Thế	Huy	13/07/1999	17ĐHKT01	3.11	Khá	Kỹ thuật Hàng không
19	1751200052	Huỳnh	Tú	24/04/1999	17ĐHKT01	2.94	Khá	Kỹ thuật Hàng không
20	1756060013	Trần Thị Nhật	Trinh	25/10/1999	17ĐHKL01	2.94	Khá	Quản lý hoạt động bay
21	1551200030	Phạm Thị Ánh	Tuyết	01/07/1997	QLB-K9	3.08	Khá	Quản lý hoạt động bay
22	1636060040	Nguyễn Văn	Phước	05/15/1972	QLBVLVH-K1/2016 DAD	3.45	Giỏi	Quản lý hoạt động bay





Số TT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
23	1751010077	Nguyễn Phùng Gia	16/12/1999	17DHQTC	2.71	Khá	Quản trị kinh doanh
24	1751010066	Đỗ Trung	18/03/1999	17DHQTC	2.61	Khá	Quản trị kinh doanh
25	1751010469	Đặng Khánh	13/02/1998	17DHQTDL	2.41	Trung bình	Quản trị kinh doanh
26	1751010136	Nguyễn Tường	17/11/1999	17DHQTDL	2.56	Khá	Quản trị kinh doanh
27	1751010395	Lê Thị Minh	08/05/1999	17DHQTTT	2.79	Khá	Quản trị kinh doanh
28	1751010193	Phạm Thị	20/02/1999	17DHQTTT	3.2	Giỏi	Quản trị kinh doanh
29	1751010457	Bùi Minh	13/04/1999	17DHQTTT	2.59	Khá	Quản trị kinh doanh
30	1751010327	Đỗ Thị Minh	01/09/1999	17DHQTTT	2.85	Khá	Quản trị kinh doanh
31	1751010231	Nguyễn Thị Doan	17/06/1999	17DHQTTT	2.79	Khá	Quản trị kinh doanh
32	1751010344	Đinh Thị Ngân	03/08/1999	17DHQTTT	2.97	Khá	Quản trị kinh doanh
33	1751010453	Lý Nguyễn Yến	28/06/1999	17DHQTTT	3.23	Giỏi	Quản trị kinh doanh
34	1751010043	Nguyễn Minh	11/12/1999	17DHQTTT	2.59	Khá	Quản trị kinh doanh
35	1751010175	Nguyễn Văn	05/01/1999	17DHQTTT	2.78	Khá	Quản trị kinh doanh
36	1751010179	Bùi Thị Bích	07/12/1999	17DHQTTT	2.47	Trung bình	Quản trị kinh doanh
37	1751010254	Trương Nguyễn Thị Mai	20/05/1999	17DHQTTT	3.03	Khá	Quản trị kinh doanh
38	1751010315	Lâm Phát	19/03/1999	17DHQTTT	2.72	Khá	Quản trị kinh doanh
39	1751010332	Võ Thị Xuân	20/10/1999	17DHQTTT	2.56	Khá	Quản trị kinh doanh
40	1751010382	Trần Thị Yến	01/03/1999	17DHQTTT	3.15	Khá	Quản trị kinh doanh
41	1751010377	Nguyễn Thị Thảo	01/05/1999	17DHQTTT	2.89	Khá	Quản trị kinh doanh
42	1751010421	Trần Thị Bảo	20/02/1999	17DHQTTT	2.55	Khá	Quản trị kinh doanh
43	1751010459	Trần Thị Trà	20/11/1999	17DHQTTT	2.72	Khá	Quản trị kinh doanh
44	1631010011	Bùi Hải	24/10/1997	17DVQTTT	3.52	Giỏi	Quản trị kinh doanh
45	1731010008	Trần Ngọc	13/09/1988	17DVQTTT	2.79	Khá	Quản trị kinh doanh
46	1851010182	Phùng Vũ Phương	23/09/2000	18DHQTC1	2.93	Khá	Quản trị kinh doanh
47	1851010150	Vũ Đăng	01/09/2000	18DHQTC1	3.37	Giỏi	Quản trị kinh doanh
48	1851010185	Hoàng Thị	14/12/2000	18DHQTC1	2.78	Khá	Quản trị kinh doanh
49	1851010027	Nguyễn Văn Duy	29/12/2000	18DHQTC1	3.1	Khá	Quản trị kinh doanh
50	1851010137	Trần Thị Thủy	12/10/2000	18DHQTC1	2.76	Khá	Quản trị kinh doanh



Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
51	1851010112	Lê Hạ	Vi	08/10/2000	18ĐHQTC1	3.43	Giỏi	Quản trị kinh doanh
52	1851010338	Vũ Tiểu	Băng	27/12/2000	18ĐHQTC2	2.7	Khá	Quản trị kinh doanh
53	1851010250	Hoàng Thái	Bảo	26/10/2000	18ĐHQTC2	3.28	Giỏi	Quản trị kinh doanh
54	1851010279	Bùi Thị Thanh	Đạt	23/04/2000	18ĐHQTC2	2.92	Khá	Quản trị kinh doanh
55	1851010277	Bùi Duy	Tâm	10/09/2000	18ĐHQTC2	2.61	Khá	Quản trị kinh doanh
56	1851010316	Phan Mai Hải	Giang	09/01/2000	18ĐHQTDL	2.96	Khá	Quản trị kinh doanh
57	1851010258	Phan Phạm Mỹ	Linh	16/10/2000	18ĐHQTDL	2.9	Khá	Quản trị kinh doanh
58	1851010347	Đào Hương	Ly	21/01/2000	18ĐHQTDL	2.6	Khá	Quản trị kinh doanh
59	1851010283	Lâm Minh	Quân	08/09/2000	18ĐHQTDL	2.59	Khá	Quản trị kinh doanh
60	1851010048	Nguyễn Anh	Thư	18/05/2000	18ĐHQTDL	3.03	Khá	Quản trị kinh doanh
61	1851010280	Hoàng Thị Thủy	Tiên	20/04/2000	18ĐHQTDL	2.77	Khá	Quản trị kinh doanh
62	1851010014	Ngô Trần Huyền	Trang	29/11/2000	18ĐHQTDL	3.04	Khá	Quản trị kinh doanh
63	1851010245	Châu Nhật Thanh	Vân	27/04/2000	18ĐHQTDL	2.7	Khá	Quản trị kinh doanh
64	1851010068	Trần Nguyễn Vân	Anh	18/08/2000	18ĐHQTVT1	2.98	Khá	Quản trị kinh doanh
65	1851010085	Nguyễn Võ Thành	Đạt	03/01/2000	18ĐHQTVT1	2.74	Khá	Quản trị kinh doanh
66	1851010063	Đặng Quang	Hà	19/11/2000	18ĐHQTVT1	2.69	Khá	Quản trị kinh doanh
67	1851010053	Nguyễn Quý	Kiên	16/11/2000	18ĐHQTVT1	2.83	Khá	Quản trị kinh doanh
68	1851010095	Trần Mỹ	Lệ	21/05/2000	18ĐHQTVT1	3.02	Khá	Quản trị kinh doanh
69	1851010037	Lê Như	Ngọc	07/06/2000	18ĐHQTVT1	3.06	Khá	Quản trị kinh doanh
70	1851010001	Võ Hoàng	Thái	16/03/2000	18ĐHQTVT1	2.78	Khá	Quản trị kinh doanh
71	1851010152	Nguyễn Sỹ Tuấn	Anh	26/12/1999	18ĐHQTVT2	3.07	Khá	Quản trị kinh doanh
72	1851010110	Nguyễn Ngọc	Duy	20/07/2000	18ĐHQTVT2	3.15	Khá	Quản trị kinh doanh
73	1851010108	Phan Thị Ngọc	Giàu	02/02/2000	18ĐHQTVT2	3.37	Giỏi	Quản trị kinh doanh
74	1851010117	Dư Văn	Lợi	07/03/2000	18ĐHQTVT2	3.03	Khá	Quản trị kinh doanh
75	1851010148	Lê Vũ	Lợi	19/06/2000	18ĐHQTVT2	2.94	Khá	Quản trị kinh doanh
76	1851010125	Võ Thị	Mận	10/05/2000	18ĐHQTVT2	2.82	Khá	Quản trị kinh doanh
77	1851010055	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	29/07/2000	18ĐHQTVT2	3	Khá	Quản trị kinh doanh
78	1851010119	Hồ Thị Thu	Quế	16/07/2000	18ĐHQTVT2	3.54	Giỏi	Quản trị kinh doanh
79	1851010210	Đoàn Minh	Hường	25/09/2000	18ĐHQTVT3	3.11	Khá	Quản trị kinh doanh



Số TT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
80	1851010248	Trần Minh	Khang	14/03/2000	18DHQTVT3	2.53	Khá	Quản trị kinh doanh
81	1851010181	Nguyễn Văn	Minh	17/11/2000	18DHQTVT3	2.79	Khá	Quản trị kinh doanh
82	1851010162	Nguyễn Ngọc Thảo	My	06/11/2000	18DHQTVT3	3.07	Khá	Quản trị kinh doanh
83	1851010167	Nguyễn Hải	Phòng	30/05/2000	18DHQTVT3	2.91	Khá	Quản trị kinh doanh
84	1851010163	Bùi Thị	Quỳnh	27/06/2000	18DHQTVT3	3.12	Khá	Quản trị kinh doanh
85	1851010144	Hoàng Thị Hoài	Thương	04/12/2000	18DHQTVT3	2.64	Khá	Quản trị kinh doanh
86	1851010154	Nguyễn Bích	Việt	27/05/2000	18DHQTVT3	2.98	Khá	Quản trị kinh doanh
87	1851010116	Nguyễn Đức	Việt	28/08/2000	18DHQTVT3	2.78	Khá	Quản trị kinh doanh
88	1851010361	Phạm Tường	Vy	14/05/2000	18DHQTVT3	3.06	Khá	Quản trị kinh doanh
89	1851010342	Nguyễn Thị Minh	Anh	02/09/2000	18DHQTVT4	2.9	Khá	Quản trị kinh doanh
90	1851010300	Lê Bảo	Ngân	03/05/2000	18DHQTVT4	2.95	Khá	Quản trị kinh doanh
91	1851010333	Nguyễn Bùi Kim	Ngân	13/02/2000	18DHQTVT4	2.99	Khá	Quản trị kinh doanh
92	1851010268	Trần Thị Thanh	Ngọc	25/06/2000	18DHQTVT4	2.7	Khá	Quản trị kinh doanh
93	1851010337	Lê Thị Quỳnh	Nhi	28/03/2000	18DHQTVT4	3.38	Giỏi	Quản trị kinh doanh
94	1851010269	Bùi Hữu	Sáng	01/01/2000	18DHQTVT4	2.92	Khá	Quản trị kinh doanh
95	1651010305	Nguyễn Ngọc	Thoại	22/01/1998	QTDL1-K10	2.49	Trung bình	Quản trị kinh doanh
96	1551010060	Bùi Hạnh	Nguyễn	16/12/1997	QTDL1-K9	2.57	Khá	Quản trị kinh doanh
97	1551010068	Lâm Tuyết	Trinh	06/02/1995	QTDL1-K9	2.67	Khá	Quản trị kinh doanh
98	1651010077	Lê Ngọc Minh	Châu	03/05/1998	QTDL2-K10	2.71	Khá	Quản trị kinh doanh
99	1651010076	Nguyễn Thị Bé	Ngân	08/04/1998	QTDL2-K10	2.59	Khá	Quản trị kinh doanh
100	1551010369	Lê Như	Phượng	24/05/1997	QTDL2-K9	2.89	Khá	Quản trị kinh doanh
101	1451010064	Nguyễn Hoàng Yến	Anh	08/06/1996	QTDL-K8	2.46	Trung bình	Quản trị kinh doanh
102	1451010139	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	02/05/1996	QTKDCHK1-K8	2.59	Khá	Quản trị kinh doanh
103	1551010267	Vũ Dương Hải	Đăng	09/06/1997	QTKDCHK1-K9	2.1	Trung bình	Quản trị kinh doanh
104	1551010231	Bùi Đình	Thắng	15/11/1997	QTKDCHK1-K9	2.29	Trung bình	Quản trị kinh doanh
105	1551010382	Trương Thị Kim	Anh	09/08/1996	QTKDCHK2-K9	2.25	Trung bình	Quản trị kinh doanh
106	1551010344	Lê Thu	Hà	28/09/1997	QTKDCHK2-K9	2.07	Trung bình	Quản trị kinh doanh
107	1451010311	Nguyễn Thị Kim	Phượng	14/12/1996	QTKDCHK2-K9	2.51	Khá	Quản trị kinh doanh
108	1551010349	Lê Anh	Thư	20/06/1997	QTKDCHK2-K9	2.41	Trung bình	Quản trị kinh doanh



Số TT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp học	Điểm TN	Xếp loại	Ghi chú
109	1451010326	Nguyễn Thị Phương	Thảo	QTKDCHK3-K8	2.27	Trung bình	Quản trị kinh doanh
110	1651010023	Đặng Mai	Anh	QTKDCHK-K10	2.03	Trung bình	Quản trị kinh doanh
111	1651010279	Phạm Thị Hoài	Yến	QTKDCHK-K10	2.77	Khá	Quản trị kinh doanh
112	1451010295	Tôn Nữ Mỹ	Hào	QTKDTH-K8	2.47	Trung bình	Quản trị kinh doanh
113	1651010125	Đỗ Lê Toàn	Cơ	QTKDVTHK1-K10	2.85	Khá	Quản trị kinh doanh
114	1651010108	Nguyễn	Đạt	QTKDVTHK1-K10	2.1	Trung bình	Quản trị kinh doanh
115	1651010117	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	QTKDVTHK1-K10	2.1	Trung bình	Quản trị kinh doanh
116	1651010138	Trần Mai Duy	Thông	QTKDVTHK1-K10	2.05	Trung bình	Quản trị kinh doanh
117	1651010115	Cao Hữu	Thuận	QTKDVTHK1-K10	2.27	Trung bình	Quản trị kinh doanh
118	1451010114	Đào Minh	Châu	QTKDVTHK1-K8	2.04	Trung bình	Quản trị kinh doanh
119	1651010247	Nguyễn Thị Sao	Mai	QTKDVTHK2-K10	2.49	Trung bình	Quản trị kinh doanh
120	1551010354	Phạm Hoàng	Án	QTKDVTHK2-K9	2.75	Khá	Quản trị kinh doanh
121	1551010236	Trần Ngọc Quế	Anh	QTKDVTHK2-K9	2.74	Khá	Quản trị kinh doanh
122	1651010341	Nguyễn Thị Mỹ Phước	Thiện	QTKDVTHK3-K10	2.67	Khá	Quản trị kinh doanh
123	1651010391	Nguyễn Xuân	Thịnh	QTKDVTHK3-K10	2.32	Trung bình	Quản trị kinh doanh
124	1651010454	Trần Thị Thu	Thảo	QTKDVTHK4-K10	2.57	Khá	Quản trị kinh doanh
125	1551010527	Nguyễn Ngọc	Khang	QTKDVTHK4-K9	2.99	Khá	Quản trị kinh doanh
126	1651010038	Phạm Thị Quỳnh	Như	QTKDVTHK5-K10	2.44	Trung bình	Quản trị kinh doanh

Tổng cộng danh sách này có 126 sinh viên được công nhận tốt nghiệp.



